

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HS-ST  
Ngày: 19-02-2021

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Quang Chân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Châu Hùng;
2. Bà Nguyễn Phan Thùy Trang.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Phát Huy, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Dương Chí Cường, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố X xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 05/2021/TLST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 02 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn TG (M), sinh năm 1987, tại: thành phố X, tỉnh An Giang; nơi cư trú: tổ 05, khóm VC3, phường VNG, thành phố X, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn VT (đã chết) và bà Võ Thị NH, sinh năm 1967; có vợ là Nguyễn Ái VV, sinh năm 1994.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 03/8/2020, Công an thành phố X xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản, chưa nộp phạt.

Bị bắt tạm giam từ ngày 15/12/2020 cho đến nay, có mặt.

***Bị hại:*** Ông Phạm Thành VD, sinh năm 1976, nơi cư trú: tổ 02, khóm VC3, phường VNG, thành phố X, tỉnh An Giang; vắng mặt.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:***

- Bà Âu Thị TH, sinh năm 1957, nơi cư trú: tổ 27, khóm CTH, phường CPA, thành phố X, tỉnh An Giang; vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn CQ, sinh năm 1980, nơi cư trú: tổ 18, khóm VC, phường CPA, thành phố X, tỉnh An Giang; vắng mặt.

- Bà Võ Thị NH, sinh năm 1967, nơi cư trú: tổ 05, khóm VC3, phường VNG, thành phố X, tỉnh An Giang; có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 24/9/2020, Nguyễn Văn TG đi xe đạp đến khu vực tổ 2, khóm VC3, phường VNG, thành phố X lấy trộm 02 bàn kim loại của ông Phạm Thành VD để trước rào nhà, đem bán cho bà Âu Thị TH được 100.000đồng, mua ma túy sử dụng. Phát hiện mất trộm tài sản, ông VD trình báo, cơ quan Công an mời TG làm việc, TG thừa nhận hành vi phạm tội.

Vật chứng thu giữ: 02 bàn kim loại trắng, chân rời (đã trao trả cho bị hại Phạm Thành VD); 01 xe đạp kiểu nữ, màu bạc, có rổ phía trước màu xám (do bị cáo TG giao nộp, đã trao trả chủ sở hữu Võ Thị NH, mẹ ruột của TG).

Căn cứ Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 245/KL-ĐG ngày 09/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố X xác định: 02 cái bàn kim loại trắng, chân rời, đã qua sử dụng, trị giá 300.000đồng.

Ngày 03/12/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố X khởi tố vụ án, tạm giam TG để điều tra xử lý.

Tại Cáo trạng số: 05/CT-VKSCĐ ngày 14/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố X đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn TG về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

- Bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Võ Thị NH cung cấp lời khai như đã khai trong giai đoạn điều tra.

- Kiểm sát viên trình bày lời luận tội: Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Cho nên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố X truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội gây thiệt hại không lớn, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo thuộc thành

phần lao động, học lực thấp, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế. Vì vậy, đề nghị xem xét giảm nhẹ cho bị cáo khi lượng hình.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 173, điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn TG từ 06 tháng đến 01 năm tù, về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Về hình phạt bổ sung, do bị cáo không có nghề nghiệp nên đề nghị không áp dụng.

Về xử lý vật chứng, vật chứng đã được giao trả cho bị hại là phù hợp với quy định pháp luật nên không đề nghị xử lý lại.

Về trách nhiệm dân sự, do bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên, xin Hội đồng xét xử xử phạt nhẹ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố X, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố X, Kiểm sát viên được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục được pháp luật tố tụng hình sự quy định. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo, bị cáo Nguyễn Văn TG khai nhận, khoảng 23 giờ ngày 24/9/2020, bị cáo chạy xe đạp từ nhà đến khu vực phường VNG, thành phố X. Trên đường đi do lên cơn nghiện ma túy, bị cáo nảy sinh ý định tìm tài sản sơ hở để lấy trộm. Khi đến nhà ông Phạm Thành VD (thuộc khóm VC3, phường VNG), bị cáo phát hiện 02 cái bàn, chân rời để dưới tán cây dựng trước cửa nhà không người trông coi và không bị khóa hay xích lại nên bị cáo dừng xe lấy 02 cái bàn và 02 chân rời dùng xe đạp chở đến khu vực chợ CTH bán cho người phụ nữ tên TH được 100.000đồng. Đến ngày 26/9/2020, bị cáo bị Công an phường VNG mời làm việc nên đã khai nhận hành vi lấy trộm 02 cái bàn chân kim loại trắng, chân rời.

Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo ở giai đoạn điều tra; phù hợp với tài liệu, chứng cứ khác gồm: biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 11/11/2020 cùng sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường kèm theo do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố X lập; lời khai của ông

Phạm Thành VD về việc phát hiện bị mất trộm 02 cái bàn kim loại trắng cùng 02 chân rời được để phía trước sân nhà vào khuya ngày 24/9/2020; lời khai của bà Âu Thị TH về việc có mua của bị cáo 02 cái bàn kim loại trắng cùng 02 chân rời nhưng không biết đây là tài sản do bị cáo lấy trộm mà có; lời khai của ông CQ về việc có cho ông VD thuê 02 bàn kim loại trắng chân rời vào ngày 22/9/2020; lời khai của bà NH về việc có mua 01 xe đạp kiểu nữ, màu bạc để sử dụng sinh hoạt trong gia đình.

Ngoài ra, lời khai của bị cáo còn phù hợp với vật chứng bị thu giữ là 02 cái bàn kim loại trắng, chân rời và 01 xe đạp kiểu nữ, màu bạc.

Từ các chứng cứ trên có cơ sở xác định, khi phát hiện bị hại sơ hở trong việc bảo quản tài sản, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt 02 cái bàn kim loại trắng, chân rời của ông VD.

Theo Kết luận định giá tài sản số 245/KL-ĐG ngày 09/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố X, 02 bàn kim loại trắng, chân rời, đã qua sử dụng, trị giá 300.000đồng.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của ông VD là xâm phạm quyền sở hữu của người khác nhưng vẫn cố ý thực hiện thông qua việc lợi dụng lúc đêm khuya, khi tài sản không người trông giữ, nhanh chóng mang tài sản đi nơi khác tiêu thụ và sự thừa nhận của bị cáo tại phiên tòa. Ngày 03/8/2020, bị cáo bị Công an thành phố X xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản mà còn tiếp tục vi phạm. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Cho nên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố X truy tố bị cáo ra trước phiên tòa hôm nay và lời buộc tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X đối với bị cáo tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, quyền sở hữu là một trong những quyền thiêng liêng gắn với mỗi cá nhân, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Trong lĩnh vực hình sự, những ai xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác, đáp ứng quy định của pháp luật hình sự sẽ bị áp dụng chế tài nghiêm khắc nhất là hình phạt.

Bị cáo là người đang ở tuổi lao động. Đáng lẽ, bị cáo phải tìm cho mình một công việc phù hợp để nuôi sống bản thân, gia đình nhưng vì hám lợi, bị cáo trộm cắp tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm quyền sở hữu của người khác mà còn gây mất trật tự trị an địa phương. Do đó, cần có hình phạt tương xứng, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, để đảm bảo mục đích răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo thuộc thành phần lao động, học lực thấp, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế, phạm tội gây thiệt hại

không lớn, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra cũng như trước phiên tòa hôm nay, bị cáo đã tỏ rõ thái độ thành khẩn khai báo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cần xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp, thuộc thành phần lao động nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, bà TH khi mua 02 bàn kim loại trắng, chân rời do bị cáo bán không biết đây là tài sản do bị cáo lấy trộm mà có, đã giao nộp lại tài sản. Cho nên, trách nhiệm hình sự không đặt ra đối với bà TH là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

Trong giai đoạn điều tra, Cơ quan điều tra giao trả cho bị hại VD 02 bàn kim loại trắng, chân rời; giao trả cho bà NH 01 xe đạp kiểu nữ, màu bạc do bà NH mua, sử dụng sinh hoạt gia đình do không biết bị cáo sử dụng xe đạp vào việc phạm tội là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự nên không đề cập xử lý lại.

[8] Về trách nhiệm dân sự, sau khi nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, bị hại VD, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà TH không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không đề cập giải quyết.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo:

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự;*

*Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn TG (M) phạm tội “Trộm cắp tài sản”;*

*Xử phạt: Nguyễn Văn TG: 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.*

*Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 15/12/2020 (ngày mười lăm, tháng mười hai, năm hai nghìn không trăm hai mươi).*

*2. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

*Buộc bị cáo Nguyễn Văn TG phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.*

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bà NH có quyền kháng cáo đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông Phạm Thành VD, bà Âu Thị TH và ông Nguyễn Văn CQ là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết theo quy định pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Viện KSND thành phố;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Nhà Tạm giữ;
- Phòng hồ sơ;
- Chi cục THADS thành phố;
- Bộ phận THA Tòa án;
- UBND cấp xã nơi BC cư trú;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Quang Chân**